



HỘI THẢO

Các giải pháp đảm bảo an ninh nguồn nước đồng bằng sông Hồng

LỜI ĐỀ DẪN HỘI THẢO

Sông Hồng là sông lớn thứ 2 của Việt Nam (sau sông Mê Kông), là sông quốc tế bắt nguồn từ tỉnh Vân Nam - Trung Quốc, bao gồm lãnh thổ của 3 nước: Việt Nam, Trung Quốc và Lào. Tổng diện tích toàn lưu vực vào khoảng 169.020 km² (lưu vực nằm ở Việt Nam chiếm 51,3%, Lào chiếm 0,7% còn lại thuộc Trung Quốc). Tuy nhiên, lượng dòng chảy sinh ra tại Việt Nam vào khoảng 61,1% và lượng dòng chảy sinh ra từ Trung Quốc vào khoảng 38,9%. Chiều dài sông Hồng trong lãnh thổ Việt Nam khoảng 328km. Vùng đồng bằng sông Hồng (châu thổ sông Hồng) bao gồm 12 tỉnh và thành phố (Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hà Nội, Hà Nam, Hưng Yên, Hải Dương, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định và Ninh Bình), có diện tích vào khoảng 21.260,3 km², chiếm 6,37% diện tích của cả nước.

Trên lưu vực sông Hồng tổng cộng có 263 hồ chứa thủy lợi, thủy điện với tổng dung tích 29,4 tỷ m³, dung tích hữu ích 19,2 tỷ m³, dung tích phòng lũ 8,6 tỷ m³.⁽¹⁾

Riêng hệ thống hồ chứa lợi dụng tổng hợp phục vụ phát điện, chống lũ hạ lưu, cấp nước cho sinh hoạt, kết hợp cải tạo môi trường trên dòng chính bao gồm các hồ Hoà Bình 9,8 tỷ m³; Sơn La 9,2 tỷ m³ (chiếm trên 30% tổng dung tích của các hồ thủy điện trong lưu vực)⁽²⁾. Các nhà máy thủy điện (NMTĐ) lớn có tổng công suất lắp máy: 6.260MW, điện lượng thiết kế trung bình nhiều năm khoảng 27 tỷ kWh. Năm 2018 điện lượng đạt gần 31 tỷ kWh điện tương ứng khoảng 14% tổng sản lượng điện của toàn hệ thống. Quan trọng hơn nữa, hệ thống các NMTĐ lớn còn có vai trò quan trọng trong điều tiết, ổn định cho hệ thống điện quốc gia trong bối cảnh hiện nay.

Phía Trung Quốc, trên dòng chính đã xây dựng hoặc có kế hoạch xây dựng khoảng 33 NMTĐ. Trong đó, 12 đập trên sông Thao, 13 công trình trên sông Đà (11 công trình đã vận hành) và 08 công trình thủy điện trên sông Lô - Gâm. Các công trình thủy điện đã hoàn thành trên sông Đà có tổng dung tích khoảng 2,556 tỷ m³, các công trình thủy điện đã hoàn thành trên sông Thao có tổng dung tích khoảng 2,146 tỷ m³.

Tổng lượng nước trung bình năm trên sông Hồng tính đến trạm Sơn Tây giai đoạn 1980-2015 là 104 tỷ m³, giai đoạn 2016-2019 là 98,9 tỷ m³. Tổng lượng nước trung bình mùa lũ (tháng VI đến tháng X) giai đoạn 1980-2015 là 73,6 tỷ m³, giai đoạn 2016-2021 (tháng XI đến tháng V năm sau) là 60,6 tỷ m³. Tổng lượng nước trung bình mùa cạn (tháng XI đến tháng IV năm sau) giai đoạn 1980-2015 là 30,4 tỷ m³ chiếm 39% tổng lượng nước cả năm. Lượng nước trung bình tháng nhỏ nhất giai đoạn 1980-2015 là 0,31 tỷ m³ (tháng II năm 1977), giai đoạn 2016-2021 là 2,7 tỷ m³ (tháng XII năm 2019) ⁽³⁾

Chú thích:

⁽¹⁾ Nguồn: Báo cáo Tài nguyên nước quốc gia giai đoạn 2016-2021; MONRE, 2022

⁽²⁾ Nguồn: Báo cáo của EVN trong Hội thảo.

⁽³⁾ Nguồn: Báo cáo Tài nguyên nước quốc gia giai đoạn 2016-2021; MONRE, 2022.

Trên dòng chính của sông Hồng tại trạm Hà Nội, giá trị cực trị mực nước ngày nhỏ nhất, tháng nhỏ nhất, ba tháng nhỏ nhất lần lượt là 10,2; 97,1cm; 111cm 4 đối với thời kỳ 1980-2015 và 12,3cm; 89,3cm và 93cm đối với thời kỳ 2016-2021. Giá trị cực trị lưu lượng ngày nhỏ nhất, tháng nhỏ nhất, ba tháng nhỏ nhất lần lượt là 118m³/s; 266

m³/s; 280 m³/s đối với thời kỳ 1980-2015 và 145m³/s; 872 m³/s; 915 m³/s đối với thời kỳ 2016-2021 5 . Qua đó cho thấy, dù cho lưu lượng tăng lên rất nhiều (cực trị lưu lượng tháng nhỏ nhất tăng 227%), nhưng cực trị mực nước tháng vẫn giảm 8cm. Việc hạ thấp mực nước trên sông ảnh hưởng đến khả năng lấy nước của các công trình sử dụng nước dọc sông, nhất là lấy nước vào các HTTL như đầu mối Cẩm Đình, Liên Mạc, Xuân Quan không đảm bảo đủ đầu nước tự chảy vào hệ thống tưới. Để khắc phục tình trạng này, hàng năm Bộ Nông nghiệp và PTNT phải phối hợp với Tập đoàn Điện lực Việt Nam để điều tiết các hồ chứa lớn thượng nguồn sông Hồng (Sơn La, Hòa Bình, Thác Bà, Tuyên Quang) về hạ du từ 5 đến 7 tỷ m³ nước, ảnh hưởng khá lớn đến hiệu ích phát điện của các hồ trên. Bên cạnh đó việc làm thêm các trạm bơm dã chiến và cải tạo một số trạm bơm tưới dọc dòng chính sông Hồng đang được triển khai để lấy được mực nước thấp nhưng chưa giải quyết được triệt để vấn đề.

Trên LVS Hồng, lượng nước tưới sử dụng khoảng 6,47 tỷ m³/năm, sinh hoạt và công nghiệp là 7,7 tỷ m³/năm 6 , tổng diện tích gieo cấy lúa vụ Đông Xuân của các địa phương từ 570.000-610.000 ha. Theo Quy hoạch PCTT và Thủy lợi (giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2050), nhu cầu nước cho vùng ĐBBB sẽ thiếu khoảng 2,1 tỷ m³ đến 8,5 tỷ m³ (tùy theo kịch bản phát triển) ⁽⁷⁾ . Tình trạng thiếu nước tại các vùng chủ yếu tập trung vào mùa khô, do những nguyên nhân:

- 1) Do điều kiện khí hậu khô hạn có xu hướng tăng;

2) Nhu cầu trong tương lai tăng;

3) Việc hạ thấp mực nước trên sông Hồng ảnh hưởng đến khả năng lấy nước vào các HTTL ngày càng nghiêm trọng.

Kết quả nghiên cứu cũng như thực tiễn cho thấy rằng, trong tương lai gần, an ninh nguồn nước sông Hồng đối với sản xuất và đời sống đang bị đe dọa, cần sự vào cuộc của các nhà khoa học, các nhà quản lý cũng như cả hệ thống chính trị.

Được sự hỗ trợ của Liên hiệp Hội KHKT Việt Nam, Hội Đập lớn Việt Nam và PTNN tổ chức Hội thảo này, với sự hỗ trợ của các cơ quan, tổ chức và các nhà khoa học, nhằm nhận diện vấn đề và bước đầu đề xuất một số giải pháp để hưởng ứng chương trình triển khai Kết luận 36 của Bộ Chính trị về an ninh nguồn nước và an toàn đập.

Ban tổ chức cảm ơn Liên hiệp Hội KHKT Việt Nam, Tập đoàn điện lực Việt Nam, Trường ĐH Thủy lợi, Viện KHTL Việt Nam và các nhà khoa học đã nhiệt tình viết bài, đóng góp về vật chất cho hội thảo. Cảm ơn sự hiện diện của các quý vị trong hội thảo hôm nay.

Trân trọng!

Chú thích:

(4) Theo cao độ quốc gia (mốc chuẩn của trạm thủy văn Hà Nội).

(5) Nguồn: Báo cáo Tài nguyên nước quốc giá, MONRE 2022.

(6) Nguồn: Báo cáo Tài nguyên nước quốc giá, MONRE 2022.

(7) Quy hoạch PCTT và Thủy lợi giai đoạn 2021-2030- tầm nhìn đến 2050, Viện QHTL năm 2021

Một số hình ảnh Hội thảo





